

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 09-12-2021
V/v tranh chấp về ly hôn,
tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Việt Phương.

2. Bà Bùi Phương Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Long – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Hà Vĩnh Châm- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2021/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2021 về việc tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2021/QĐST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2021:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị G**, sinh năm: 1996;

Nơi ĐKKHKT: SN 01, ngõ 39, đường Q, tổ 2, phường T, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Nơi ở hiện nay: Xóm 6, thôn L, xã T1, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Duy P**, sinh năm 1994;

Nơi cư trú: SN 01, ngõ 39, đường Q, tổ 2, phường T, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

(Chị G, anh P đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/8/2021, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị G trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Duy P tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình vào ngày 27/11/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được 03 năm, thì vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Phương ngoại tình, vợ chồng hay cãi vã, không cùng quan điểm sống. Đã nhiều lần vợ chồng nói chuyện, hai bên gia đình tìm cách hòa giải nhưng không có kết quả. Đến năm tháng 02 năm 2021, vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng nên chị đưa con về nhà mẹ đẻ chị ở, vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Duy P.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Duy P có 01 con chung là Nguyễn Gia H, sinh ngày 29/11/2018. Ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh Nguyễn Duy P cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng đến khi con đủ 18 tuổi. Chị có bố mẹ đẻ phụ giúp trong việc trông nom chăm sóc con chung, hiện nay chị đang làm công nhân tại Công ty TNHH P1 thu nhập mỗi tháng khoảng 8.000.000 đồng nên chị có đủ điều kiện trực tiếp nuôi con chung.

Về phần tài sản chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung, không vay chung ai tài sản gì và không cho ai vay chung tài sản gì nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại Biên bản lấy lời khai của bà Khiếu Thị C – mẹ đẻ của anh Nguyễn Duy P thể hiện:*** Về thời gian, điều kiện kết hôn như chị G trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị G, anh P chung sống hòa thuận, hạnh phúc tại gia đình bà. Đến cuối năm 2020, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh P chưa chung thủy nhưng chị G cũng không tạo cơ hội để vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau. Anh P và gia đình bà đã nhiều lần tìm chị G về nhưng chị G không về chung sống với anh P. Đến nay quan điểm của gia đình bà là mong muốn chị G và anh P về đoàn tụ cùng nhau, nuôi dạy con cái. Về con chung: Chị G và anh P có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 29/11/2018. Hiện nay, cháu H đang được chị G nuôi dưỡng. Khi ly hôn bà đồng ý cho chị G được trực tiếp nuôi dưỡng cháu. Nếu sau này chị G đi lập gia đình mới thì giao con cho anh P nuôi dưỡng cháu. Về phần tài sản chung: Chị G và anh P không có tài sản chung, không có công sức đóng góp vào tài sản của gia đình bà. Chị G và anh P không vay nợ gì đối với gia đình bà. Khi gia đình bà nhận được thông báo thụ lý vụ án và các văn bản của Tòa án, bà đã giao cho anh P nhưng anh P bận không

đến Tòa án được. Bà đề nghị Tòa án gửi văn bản tố tụng về cho gia đình bà bà cam kết giao ngay cho anh P.

* Tại Biên bản xác minh của ông Khiếu Minh H1 – Tổ trưởng Tổ 1-2 phường T thể hiện: Về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống như chị G trình bày. Đến khoản tháng 2/2021 chị G đưa con đi không sinh sống nhà anh P nữa, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Đến nay chị G có đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: vợ chồng có 01 con chung như chị G trình bày, hiện đang ở với chị G. Chị G và anh P đều đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:** Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 147, khoản 4 Điều 161, Điều 162, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ vào Điều 6, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị G được ly hôn anh P. Ly hôn, giao cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Gia H, anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con H cho chị G 1.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 01/2022 đến khi con H đủ 18 tuổi. Về quan hệ tài sản: không đặt ra giải quyết. Án phí: Buộc chị G phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, buộc anh P phải chịu án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và Tòa án có thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn, khởi kiện và có yêu cầu xin ly hôn, đề nghị giải quyết việc nuôi con chung do đó xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình nên Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do

nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị G và anh P được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Do anh P không chung thủy nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 2 năm 2021 đến nay, chị G có đơn xin ly hôn nhưng anh P cũng không có ý kiến gì xét thấy hôn nhân giữa chị G và anh P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy cần căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị G, cho chị G được ly hôn anh P.

[3.2] Về quan hệ con cái: Chị Phạm Thị G và anh Nguyễn Duy P có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia H sinh ngày 29-11-2018. Anh P không có quan điểm về việc nuôi con, chị G có việc làm và thu nhập ổn định, có đủ điều kiện nuôi con nên cần chấp nhận yêu cầu của chị G, giao cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Gia H và buộc anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con H 1.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 01/2022 đến khi con H đủ 18 tuổi.

[3.3] Về quan hệ tài sản và nợ chung: Chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh P không trình bày về vấn đề tài sản, vì vậy không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[4] Về án phí sơ thẩm: Chị G phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh P phải chịu án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, 235, 238, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ vào Điều 6, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị G được ly hôn anh Nguyễn Duy P.

[2]. Về quan hệ con cái: Giao cho chị Phạm Thị G trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Gia H, sinh ngày 29-11-2018. Anh Nguyễn Duy P có nghĩa vụ cấp dưỡng

nuôi con Nguyễn Gia H cho chị Phạm Thị G 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) /01 tháng kể từ tháng 01/2022 đến khi con H đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Duy P có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Anh Nguyễn Duy P, chị Phạm Thị G có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

[3]. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Phạm Thị G phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0005122 ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình; chị Phạm Thị Giang đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Nguyễn Duy P phải nộp 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng

[6]. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị G, anh Nguyễn Duy P được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình; (Giấy chứng nhận kết hôn số: 82 ngày 27/11/2017)
- Chi cục THADS thành phố Thái Bình;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương